

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VẠN NINH  
TỈNH KHÁNH HÒA**

*Bản án số: 14/2024/DSST  
Ngày 16 tháng 7 năm 2024  
“V/v: Tranh chấp hợp đồng  
Mua bán hàng hóa”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phần*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

**Ông Đỗ Ngọc Quý**

**Ông Phạm Tám**

*- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.*

*- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Phạm Duy Cường - Kiểm sát viên.*

Ngày 16 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 103/2023/TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2024/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà **Mai Thị H**, sinh năm 1976; nơi cư trú: Lô S, Ô C H, xã P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thị Bạch T**, sinh năm 1963; trú tại: Thôn B, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa Có mặt.

**Bị đơn:** Bà **Phạm Thị N**, sinh năm 1969; Địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1984; trú tại: Thôn Q, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa Có mặt.

**Người làm chứng:** Bà **Đào Thị D** - sinh năm 1942; hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa ở hiện nay: Thôn C, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 25/5/2023, bản tự khai ngày 07/12/2023 của nguyên đơn Mai Thị H các lời khai tiếp theo, biên bản hòa giải ngày 13/6/2024 và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Huỳnh Thị Bạch T2 bày:* Bà Mai Thị H1 bà Phạm Thị N1 quan hệ làm ăn buôn bán với nhau, bà H2 bỏ sò mồi (thức ăn để nuôi hải sản) cho bà N2 bà N3 lại kiếm lời. Trong quá trình làm ăn buôn bán, bà N4 lần mua sò của bà H1 còn nợ bà H3 tiền là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng), Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Phạm Thị N5 nhận chỉ nợ bà Mai Thị H4 tiền là 370.000.000 đồng (ba trăm bảy mươi triệu đồng), vì vậy bà H5 thống nhất với số nợ bà N6 ra là 370.000.000 đồng. Do đó, bà H6 đòi yêu cầu khởi kiện và yêu cầu bị đơn bà Phạm Thị N7 trả số tiền là 370.000.000 đồng (ba trăm bảy mươi triệu đồng). Từ khi chốt nợ (tháng 12/2020) cho đến nay, bà N8 trả cho bà H7 đồng như bà N9 bày. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Huỳnh Thị Bạch T3 cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thị N7 trả một lần số tiền còn thiếu cho bà Mai Thị H8 370.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi triệu đồng) tiền nợ gốc và tiền lãi do chậm thanh toán tính từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 30/6/2024 là 42 tháng, lãi suất là 0,8%/tháng, thành tiền  $370.000.000 \text{ đồng} \times 0,8\% \times 42 \text{ tháng} = 124.320.000 \text{ đồng}$  (một trăm hai mươi bốn triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng). Tổng cộng số tiền gốc và lãi chậm trả nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả là 494.320.000 đồng (Bốn trăm chín mươi bốn triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng).

*Tại bản tự khai ngày 03/11/2023 của bị đơn bà Phạm Thị N các lời trình bày tiếp theo và tại phiên tòa, biên bản hòa giải ngày 13/6/2024, đại diện theo ủy quyền của đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Nguyễn Văn T4 bày:* Bà Phạm Thị N10 bà Mai Thị H9 quan hệ làm ăn mua bán với nhau. Bà N1 mua sò mồi của bà H10 năm 2019. Trong quá trình mua bán, bà N1 nợ bà H4 tiền còn thiếu là 370.000.000 đồng (ba trăm bảy mươi triệu đồng), sau đó bà N11 trả cho bà H4 tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), trả cụ thể thời gian nào thì bà N8 nhớ rõ nhưng có nhớ là đến nhà trả trực tiếp cho bà H9 sự chứng kiến của mẹ bà H8 bà Đào Thị D1 nay, bà Phạm Thị N5 nhận còn nợ bà Mai Thị H4 tiền là 270.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu đồng). Nay ông Nguyễn Văn T1 yêu cầu Tòa án giải quyết: Bà Phạm Thị N12 ý trả cho bà Mai Thị H4 tiền còn thiếu do mua bán sò mồi với số tiền là 270.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu đồng), nhưng xin trả nhiều lần, mỗi năm trả số tiền là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), trả liên tục cho đến khi hết nợ. Đối với số tiền lãi chậm trả, phía bị đơn, người đại diện hợp pháp của bị đơn không đồng ý trả số tiền này.

*Tại bản tự khai ngày 19/6/2024 nhân chứng bà Đào Thị D2 bày:* Tôi là mẹ đẻ của Mai Thị H11 không quen biết với bà Phạm Thị N13 việc buôn bán giữa H và bà Phạm Thị N14 thế nào tôi không biết và tôi cũng không chứng kiến việc bà N15 tiền cho bà H7 đồng như bà N9 bày.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Mai Thị H khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa đối với bà Phạm Thị N, trú tại: Thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện: Bà **Mai Thị H1** bà **Phạm Thị N1** quan hệ làm ăn buôn bán với nhau. Trong quá trình làm ăn buôn bán, bà **N4** lần mua sò mồi và còn nợ bà **H4** tiền là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng). Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà **Phạm Thị N5** nhận chỉ nợ bà **Mai Thị H4** tiền là 370.000.000 đồng (ba trăm bảy mươi triệu đồng), vì vậy bà **H5** thống nhất với số nợ bà **N6** ra là 370.000.000 đồng. Nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Huỳnh Thị Bạch T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà **Phạm Thị N7** trả một lần trong thời gian nhanh nhất số tiền còn thiếu cho bà **Mai Thị H8** 370.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi triệu đồng) tiền nợ gốc và tiền lãi do chậm thanh toán tính từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 30/6/2024 là 42 tháng, lãi suất là 0,8%/tháng, thành tiền  $370.000.000 \text{ đồng} \times 0,8\% \times 42 \text{ tháng} = 124.320.000 \text{ đồng}$  (một trăm hai mươi bốn triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng). Tổng cộng số tiền gốc và lãi chậm thanh toán, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả là 494.320.000 đồng (Bốn trăm chín mươi bốn triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng)

Bà **Phạm Thị N5** định có làm ăn mua bán với bà Mai Thị H và còn nợ của bà Mai Thị H số tiền là 370.000.000 đồng (ba trăm bảy mươi triệu đồng), nhưng đã trả cho bà **H4** tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), trả cụ thể thời gian nào thì không nhớ rõ. Hiện nay, chỉ còn nợ bà **Mai Thị H4** tiền là 270.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu đồng). Nay đại diện theo ủy quyền của đại diện theo ủy quyền của bị đơn, ông Nguyễn Văn T1 đồng ý trả cho bà **Mai Thị H4** tiền còn thiếu do mua bán sò mồi với số tiền là 270.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu đồng), nhưng xin trả nhiều lần, mỗi năm trả số tiền là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), trả liên tục cho đến khi hết nợ. Đối với số tiền lãi do chậm thanh toán, phía bị đơn, người đại diện hợp pháp của bị đơn không đồng ý trả số tiền này.

Xét thấy, trong quá trình buôn bán giữa bà **Phạm Thị N16** bà Mai Thị H, bà **Phạm Thị N1** nợ của bà **Mai Thị H4** tiền là 370.000.000 đồng (ba trăm bảy mươi triệu đồng). Hai bên đã thống nhất với số nợ trên. Nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Huỳnh Thị Bạch T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà **Phạm Thị N7** trả một lần số tiền còn thiếu cho bà **Mai Thị H12** cộng số tiền gốc và lãi chậm thanh toán là 494.320.000 đồng (Bốn trăm chín mươi bốn triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng). Như vậy, trong quá trình buôn bán bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn, gây ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, được Hội đồng xét

xử chấp nhận. Việc bị đơn xác định có nợ của nguyên đơn số tiền 370.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi triệu đồng), nhưng đã trả cho nguyên đơn số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Như vậy, bị đơn chỉ còn nợ của nguyên đơn số tiền là 270.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu đồng), đồng thời xin được trả nhiều lần, mỗi năm trả số tiền là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), trả liên tục cho đến khi hết nợ. Đối với số tiền lãi chậm thanh toán, phía bị đơn, người đại diện hợp pháp của bị đơn không đồng ý trả số tiền này. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã không cung cấp được bất kỳ chứng cứ nào chứng minh là bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) nêu trên và việc xin được trả nhiều lần của bị đơn cũng như không chấp nhận số tiền lãi mà nguyên đơn yêu cầu là nhằm mục đích gây khó khăn cho việc thu hồi nợ của nguyên đơn nên không thể chấp nhận được.

### [3] Về án phí:

[3.1] Bị đơn bà Phạm Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả nợ. Cụ thể:  $20.000.000 \text{ đồng} + 4\% \times (494.320.000 \text{ đồng} - 400.000.000 \text{ đồng}) = 23.772.800 \text{ đồng}$ .

[3.2] H1 lại cho bà **Mai Thị H4** tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 15.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số: AA/2022/0002047 ngày 23/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 430, 440, 357, 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà **Mai Thị H13** bị đơn bà Phạm Thị N phải trả cho bà **Mai Thị H4** tiền nợ gốc là 370.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi triệu đồng) và tiền lãi do chậm thanh toán nợ tính đến hết ngày 30/6/2024 là 124.320.000 đồng (một trăm hai mươi bốn triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng). Tổng cộng các khoản là 494.320.000 đồng (Bốn trăm chín mươi bốn triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng).

*Quy định:* Kể từ có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

### 2. Về án phí:

2.1. Bị đơn bà Phạm Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền

phải trả nợ. Cụ thể:  $20.000.000 \text{ đồng} + 4\% \times (494.320.000 \text{ đồng} - 400.000.000 \text{ đồng}) = 23.772.800 \text{ đồng}$ .

2.2. H1 lại cho bà **Mai Thị H4** tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 15.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số: AA/2022/0002047 ngày 23/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

3. Quyền kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Vạn Ninh;
- Chi cục THADS huyện Vạn Ninh  
(Sau khi án có hiệu lực pháp luật);
- Các đương sự;
- Lưu AV;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thành Phần**